TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Ngô Thị Quyên.**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Đinh Minh Phương**.
+ Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**.
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Tấn Thành** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025, về việc *"*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Hồng T** – sinh ngày: 12/8/1986 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Vũ P** - sinh ngày: 01/02/1977 (vắng).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 10/02/2025 chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Vũ P do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V. Sau ngày cưới vợ chồng chị sống chung gia đình cha mẹ ruột của anh P được 03 năm, sau đó vợ chồng chị ra sống riêng tự lập. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 12 năm đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, ngoài ra anh P còn có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh P đã không còn sống chung với nhau từ năm 2024 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh P.

- Về con chung: Chị và anh P có hai người con chung tên Nguyễn Vũ P1, sinh ngày 11/5/2012 và Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày: 20/3/2020. Hiện nay cháu P1 và cháu Y đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P1 và cháu Y, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Vũ P vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 19/3/2025, anh Nguyễn Vũ P trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị T về thời gian tổ chức lễ cưới, nơi đăng ký kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống, anh bổ sung thêm mâu thuẫn vợ chồng chị T trình bày anh có người phụ nữ khác bên ngoài là anh không đồng ý mà anh chỉ quen biết bạn bè bình thường bên ngoài không có tình cảm nam nữ với ai. Anh thống nhất anh và chị T đã không còn sống chung với nhau từ năm 2024 cho đến nay do anh phải đi làm xa. Theo anh mâu thuẫn vợ chồng là do anh có khó khăn về kinh tế nên chị T không còn tình cảm với anh. Nay với yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh không đồng ý mà anh yêu cầu đoàn tụ với chị T.

- Về con chung: Anh và chị T có 02 người con chung tên Nguyễn Vũ P1, sinh ngày 11/5/2012 và Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày: 20/3/2020. Hiện nay cháu P1 và cháu Y đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P1 và cháu Y, chị T không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh không đồng ý, trường hợp nếu phải ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P1 và cháu Y, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị T và bị đơn anh P, anh P có nơi cư trú tại ấp P, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ

thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị T. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh P vắng mặt, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P cũng không đến Tòa án nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 13/02/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống theo chị T trình bày thì thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 12 năm đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, ngoài ra anh P còn có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị T và anh P không còn chung sống với nhau từ năm 2024 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh P, anh P không đồng ý, theo ý kiến trình bày của anh P là anh P yêu cầu được đoàn tụ với chị T. Ý kiến trình bày của anh P cũng thừa nhận anh P và chị T có xảy ra mâu thuẫn do anh P phải đi làm xa, ngoài ra vợ chồng còn có khó khăn về kinh tế nên chị T không còn tình cảm với anh P, anh P cũng thừa nhận anh P và chị T đã không còn sống chung với nhau từ năm 2024 cho đến nay. Vào ngày 17/01/2024 thì chị T đã nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh P tại Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm nhưng sau đó chị T muốn cho anh P cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nên vào ngày 15/4/2024 thì chị T đã tự nguyện rút đơn khởi kiện. Ngày 15/4/2024 Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị T và anh P. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T và anh P có 02 người con chung tên Nguyễn Vũ P1, sinh ngày 11/5/2012 và Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày: 20/3/2020. Hiện nay cháu P1 và cháu Y đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P1 và cháu Y, chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Anh P không đồng ý theo yêu cầu của chị T trường hợp nếu phải ly hôn anh P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P1 và cháu Y, anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì tại bảng khai ý kiến ngày 28/02/2025 của cháu P1 thì cháu P1 có nguyện vọng sống với chị T. Theo ý kiến trình bày của anh P thì anh P cũng thừa nhận hiện nay anh P phải đi làm xa, không thường xuyên ở nhà. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện chăm sóc cháu P1 và cháu Y của anh P không được tốt như chị T. Theo chị T trình bày thì từ khi chị T và anh P không còn chung sống cho đến nay thì cháu P1 và cháu Y sống chung với chị T, hiện nay chị T làm công việc gia công tại

nhà nên điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị Tươi T1 hơn anh P. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu P1 và cháu Y cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng T.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Vũ P.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Vũ P có 02 người con chung tên Nguyễn Vũ P1, sinh ngày 11/5/2012 và Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày: 20/3/2020. Giao cháu Nguyễn Vũ P1 và cháu Nguyễn Ngọc Y cho chị Nguyễn Thị Hồng T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Vũ P không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Vũ P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Vũ P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị Hồng T đã nộp theo biên lai thu số N^{0}0009851, ngày

20/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị Hồng T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Ngô Thị Quyên